

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

0102  
CỔ  
TRÁCH  
KI  
V  
ÔNG

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Trường Giang	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Ông Đặng Quốc Toàn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Ông Đặng Quốc Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Ông Vũ Quang Tiếp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Bà Đỗ Hồng Nhung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Ông Đoàn Quyết Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Ông Nguyễn Việt Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Quốc Hưng	Giám đốc
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Giám đốc (Kiêm Kế toán trưởng)
Bà Đỗ Hồng Nhung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/01/2015)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty,



**Lê Trường Giang**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

546856  
NG T  
NHỆM H  
M TOA  
AC  
A - T

Số: 133 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/03/2016, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32.465.648.965</b>	<b>9.236.238.601</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.919.979.046</b>	<b>288.682.795</b>
1. Tiền	111	5	10.919.979.046	288.682.795
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.329.728.494</b>	<b>7.602.690.389</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.625.454.614	7.489.548.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		80.397.237	87.686.183
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	15.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	623.876.643	25.456.040
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.006.861.155</b>	<b>1.344.865.417</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.120.382.259	1.377.327.417
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(113.521.104)	(32.462.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>209.080.270</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	163.680.237	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	45.400.033	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.661.504.119</b>	<b>4.323.352.491</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>124.757.520.412</b>	<b>4.323.352.491</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.453.020.412	4.323.352.491
- Nguyên giá	222		6.624.878.582	6.215.264.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.171.858.170)	(1.891.911.596)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	120.304.500.000	-
- Nguyên giá	228		120.304.500.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>563.140.145</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		563.140.145	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>16.700.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.700.000.000	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>640.843.562</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	640.843.562	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>175.127.153.084</b>	<b>13.559.591.092</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

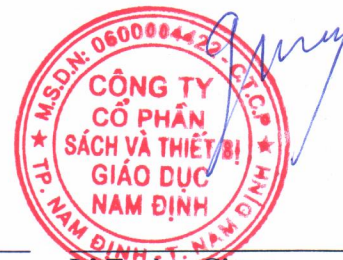
NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh		31/12/2015	01/01/2015
	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.065.375.218</b>	<b>3.149.315.374</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.911.914.368</b>	<b>3.149.315.374</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.498.195.921	3.006.883.256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.948.847	35.867.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	342.604.967	93.906.310
4. Phải trả người lao động	314		3.035.892	1.335.520
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	43.128.741	5.387.868
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	5.934.470
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.153.460.850</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	7.000.000.000	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		153.460.850	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>166.061.777.866</b>	<b>10.410.275.718</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>166.061.777.866</b>	<b>10.410.275.718</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		266.203.333	414.720.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(437.449.533)	(437.449.533)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		925.937.581	141.033.514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		141.033.514	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		784.904.067	141.033.514
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.114.748	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>175.127.153.084</b>	<b>13.559.591.092</b>



Hứa Thị Anh Đào  
Người lập biểu  
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016



Hứa Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng




Lê Trường Giang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	35.755.510.766	33.890.412.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	39.291.230	51.357.593
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>35.716.219.536</b>	<b>33.839.055.223</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	20	32.638.841.191	31.442.768.513
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.077.378.345</b>	<b>2.396.286.710</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	477.135.177	166.735.396
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	1.545.399.436	1.468.094.771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.734.554.844	1.046.675.850
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>274.559.242</b>	<b>48.251.485</b>
11. Thu nhập khác	31	24	749.868.744	160.436.661
12. Chi phí khác	32	25	23.346.510	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>726.522.234</b>	<b>160.436.661</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.001.081.476</b>	<b>208.688.146</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		62.701.651	67.654.632
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		153.460.850	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>784.918.975</b>	<b>141.033.514</b>
<i>Trong đó:</i>				
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			784.904.067	
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			14.908	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	351,8	141,0

  
Hứa Thị Anh Đào  
Người lập biểu  
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

  
Hứa Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng

  
Lê Trường Giang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	38.220.934.220	33.354.465.226
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(34.876.759.391)	(34.341.495.045)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.621.481.157)	(922.614.819)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(151.402.155)	(132.294.188)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.528.813.156	165.244.891
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.859.580.769)	(426.945.642)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.240.523.904</b>	<b>(2.303.639.577)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(134.622.472.663)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.245.010	4.042.800
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(149.609.227.653)</b>	<b>4.042.800</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	155.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(437.449.533)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>155.000.000.000</b>	<b>(437.449.533)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>10.631.296.251</b>	<b>(2.737.046.310)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>288.682.795</b>	<b>3.025.729.105</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>10.919.979.046</b>	<b>288.682.795</b>

Hứa Thị Anh Đào  
Người lập biểu  
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Hứa Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng



Lê Trường Giang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp ngày 05/01/2005; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2014 với mã số doanh nghiệp là 0600004422; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600004422 thay đổi lần thứ 4 ngày 27/11/2015. Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng; Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã DST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 23 người (tại ngày 01/01/2015 là 23 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

*Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:*

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác. Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm.
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

*Hoạt động chính của Công ty là:*

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định có trụ sở chính tại Số 13, phố Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Ngoài ra Công ty có một chi nhánh hạch toán phục thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định tại Hà Nội có địa chỉ tại số 70 Phố Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp mã số Chi nhánh 0600004422-002 ngày 16 tháng 10 năm 2015.
- Công ty con - Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest, Công ty mẹ sở hữu 99,99% vốn điều lệ Công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó để đảm bảo khả năng so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được trình bày lại như tại Thuyết minh số 25 - Số liệu so sánh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày 28/10/2015, Công ty đã hoàn tất các thủ tục mua lại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest là 99,99%. Theo đó, Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest chính thức trở thành Công ty con kể từ ngày 28/10/2015. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sách Nam Định và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 28/10/2015 đến ngày 31/12/2015 của 01 (một) Công ty con - Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Công ty với Công ty con đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty

Ban lãnh đạo và Chủ sở hữu Công ty

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

***Hợp nhất kinh doanh***

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Đối với sách chậm luân chuyển, Ban Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng dự phòng giảm giá sách dựa trên kinh nghiệm trong những năm qua. Năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập 100% trên giá bia một số hàng sách. Theo đó, giá trị của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển đã được trích lập lũy kế đến 31/12/2015 là 113.521.104 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 32.462.000 đồng).

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính</b> (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 09
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.931.138.697	223.264.389
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.988.840.349	65.418.406
<b>Cộng</b>	<b><u>10.919.979.046</u></b>	<b><u>288.682.795</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>4.625.454.614</b>	<b>7.489.548.166</b>
Khách hàng vờ luyện C1(Giao Thủy)	494.827.370	509.811.406
Khách hàng vờ luyện C1(Trực Ninh)	84.889.396	739.960.680
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	148.510.464	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	94.696.224	-
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán KIS Việt Nam	90.410.979	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	37.714.177	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	30.207.889	-
Các đối tượng khác	3.644.198.115	6.239.776.080

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>623.876.643</b>	-	<b>25.456.040</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu tạm ứng	205.167.822	-	22.976.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	361.383.333	-	-	-
- Phải thu người lao động (thuế TNCN)	56.984.820	-	-	-
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	340.668	-	2.480.040	-

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trần Minh Hoàng	3.000.000.000	-	-	-
Ngô Thị Thuần	3.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Duy Linh	3.000.000.000	-	-	-
Hoàng Đức Thuận	3.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Quang Lộc	3.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	-	-	-

**Ghi chú:** Đây là các khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng cho vay số 01/HĐV-SI, Hợp đồng số 02/HĐV-SI, Hợp đồng số 03/HĐV-SI, Hợp đồng số 04/HĐV-SI và Hợp đồng số 05/HĐV-SI ký ngày 29/12/2015. Thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng là 30/12/2015. Lãi suất cho vay áp dụng là 4%/năm.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	1.120.382.259	(113.521.104)	1.377.327.417	(32.462.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.120.382.259</b>	<b>(113.521.104)</b>	<b>1.377.327.417</b>	<b>(32.462.000)</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập thêm dự phòng cho hàng tồn kho giảm giá trị tại thời điểm lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là 81.059.104 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>163.680.237</b>	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	163.680.237	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>640.843.562</b>	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	640.843.562	-

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2015	4.974.932.590	687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
Tại ngày 31/12/2015	4.974.932.590	687.247.857	962.698.135	6.624.878.582
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2015	777.335.236	570.492.720	544.083.640	1.891.911.596
- Khấu hao trong năm	106.170.700	60.866.974	112.908.900	279.946.574
Tại ngày 31/12/2015	883.505.936	631.359.694	656.992.540	2.171.858.170
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2015	4.197.597.354	116.755.137	9.000.000	4.323.352.491
Tại ngày 31/12/2015	4.091.426.654	55.888.163	305.705.595	4.453.020.412

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 748.988.370 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 703.988.370 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
- Tăng khác	120.304.500.000	120.304.500.000
Tại ngày 31/12/2015	120.304.500.000	120.304.500.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	120.304.500.000	120.304.500.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào đơn vị khác:	16.700.000.000	-	16.700.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Giáo dục toàn cầu	4.700.000.000	-	4.700.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Nam	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-	-
- Liên Kết						
- Ngân Hàng TMCP BIDV Việt Nam	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>16.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.498.195.921</b>	<b>1.488.195.921</b>	<b>3.006.883.256</b>	<b>3.006.883.256</b>
- Nhà Sách Minh Đức	658.488.400	658.488.400	1.615.643.050	1.615.643.050
- Công ty TNHH MTV Sông hồng An Dương	250.149.000	250.149.000	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Thiên Phú	206.400.000	206.400.000	-	-
- Nhà sách giáo dục Bình Minh GoBi	127.246.800	127.246.800	399.711.000	399.711.000
- CN Công ty Cổ Phần Tổ Chức Dịch Vụ Quốc Tế Hà Nội	89.700.000	89.700.000	-	-
- Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Hà Tây	-	-	475.684.600	475.684.600
- Công ty TNHH Tứ Phương	69.126.750	69.126.750	-	-
- Công ty Cổ phần Sách dân tộc	-	-	390.931.580	390.931.580
- Đối tượng khác	97.084.971	87.084.971	124.913.026	124.913.026

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	50.760.038	1.642.112.074	1.576.043.568	116.828.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.654.632	256.687.578	298.481.540	860.670
Thuế thu nhập cá nhân	491.640	245.200.469	20.776.356	224.915.753
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.460.000	8.460.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.620.000	2.620.000	-
Các loại thuế khác	-	17.587.184	17.587.184	-
<b>Cộng</b>	<b>93.906.310</b>	<b>2.172.667.305</b>	<b>1.923.968.648</b>	<b>342.604.967</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	45.400.033	45.400.033
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.400.033</b>	<b>45.400.033</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	5.087.318	1.834.212
- Bảo hiểm xã hội;	30.951.053	-
- Bảo hiểm y tế;	4.567.500	-
- Phải trả về cổ phần hoá;	1.596.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	926.870	3.553.656
<b>Cộng</b>	<u><u>43.128.741</u></u>	<u><u>5.387.868</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest (i)	7.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><u>7.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Ghi chú: (i) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2312/2015 ngày 23/12/2015 với Công ty Cổ phần chứng khoán Smart Invest. Công ty Cổ phần chứng khoán Smart Invest góp vốn không tính lãi để xây dựng nhà văn phòng Smart Invest tại địa chỉ số 222+224 phố Tây Sơn và 220 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội.

8 -  
TY  
HỮU  
HẠN  
0  
TP.

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	10.000.000.000	414.720.000	-	239.768.370	119.778.873	106.334.505	-	10.880.601.748
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	141.033.514	-	141.033.514
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	50.000.000	50.000.000	(106.334.505)	-	(6.334.505)
Giảm khác	-	-	-	-	(167.575.506)	-	-	(167.575.506)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(437.449.533)	-	-	-	-	(437.449.533)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>414.720.000</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>289.768.370</b>	<b>2.203.367</b>	<b>141.033.514</b>	<b>-</b>	<b>10.410.275.718</b>
nếu được trình bày năm trước								
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	2.203.367	(2.203.367)	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>414.720.000</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>291.971.737</b>	<b>-</b>	<b>141.033.514</b>	<b>-</b>	<b>10.410.275.718</b>
nếu được trình bày lại								
<b>Số dư tại thời điểm hợp nhất 28/10/2015</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>414.720.000</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>291.971.737</b>	<b>-</b>	<b>141.033.514</b>	<b>-</b>	<b>10.410.275.718</b>
Tăng vốn trong năm (i)	155.000.000.000	-	-	-	-	-	-	155.000.000.000
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	784.904.067	-	784.904.067
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	15.114.748	15.114.748
Chi phí phát hành cổ phiếu (i)	-	(148.516.667)	-	-	-	-	-	(148.516.667)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>266.203.333</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>291.971.737</b>	<b>-</b>	<b>925.937.581</b>	<b>15.114.748</b>	<b>166.061.777.866</b>

Ghi chú: (i) Trong năm Công ty đã phát hành 15.500.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 165.000.000.000 đồng theo Biên bản họp Đại hội cổ đông số 01/2015/BB-DHCD ngày 04/04/2015 và đã phát sinh chi phí phát hành với số tiền 148.516.667 đồng làm giảm thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	165.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>165.000.000.000</u></b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>
b) Các giao dịch về vốn góp của chủ sở hữu	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	165.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	155.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	165.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
c) Cổ phiếu	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.419.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.419.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
d) Các quỹ của doanh nghiệp	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

Trong năm, Công ty đã xử lý xóa sổ khoản công nợ phải thu khó đòi đối tượng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hải Cường với số tiền 22.215.510 đồng theo Biên bản làm việc ngày 31/12/2015 do đối tượng nợ là Giám đốc cũ của Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hải Cường đã mất.

**19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	34.243.812.496	33.890.412.816
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.511.698.270	-
<b>Cộng</b>	<b><u>35.755.510.766</u></b>	<b><u>33.890.412.816</u></b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Trong đó:	39.291.230	51.357.593
- Giảm giá hàng bán;	39.291.230	51.357.593

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.832.571.703	31.442.768.513
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	727.202.698	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	79.066.790	-
<b>Cộng</b>	<b><u>32.638.841.191</u></b>	<b><u>31.442.768.513</u></b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	374.632.789	4.042.800
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	102.502.388	162.692.596
<b>Cộng</b>	<b><u>477.135.177</u></b>	<b><u>166.735.396</u></b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	407.953.011	358.925.977
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	316.526.963	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	178.863.262	162.810.396
Thuế, phí và lệ phí	8.025.152	12.271.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	823.186.456	512.667.913
<b>Cộng</b>	<b><u>1.734.554.844</u></b>	<b><u>1.046.675.850</u></b>

**b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

Chi phí nhân viên	1.030.256.993	743.591.514
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.371.750	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.227.274	13.227.272
Thuế, phí và lệ phí	6.853.927	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.537.012	683.740.019
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	102.152.480	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	27.535.966
<b>Cộng</b>	<b><u>1.545.399.436</u></b>	<b><u>1.468.094.771</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		-
Chi phí nhân công	1.438.210.004	1.102.517.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.090.536	176.037.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.634.774.661	1.202.936.443
Chi phí khác bằng tiền	14.879.079	33.279.019
<b>Cộng</b>	<b><u>3.279.954.280</u></b>	<b><u>2.514.770.621</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi từ giao dịch mua rẻ	700.612.562	-
Các khoản khác	49.256.182	160.436.661
<b>Cộng</b>	<b><u>749.868.744</u></b>	<b><u>160.436.661</u></b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	22.215.510	-
Nộp phạt tiền thuế	1.131.000	-
Các khoản khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>23.346.510</u></b>	<b><u>-</u></b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	784.918.975	141.033.514
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.231.426	1.000.000
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>351,8</u></b>	<b><u>141,0</u></b>

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2014 và 2015.

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác; sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm; liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục; không có hoạt động kinh doanh khác. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 13 Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Công ty có Chi nhánh hoạt động phụ thuộc tại địa chỉ số 70 phố Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Nam Định tuy nhiên đến ngày lập báo cáo tài chính này Chi nhánh tạm thời chưa phát sinh hoạt động. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Do Công ty không có khoản nợ vay nào nên hệ số đòn bẩy tài chính bằng 0.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.919.979.046)	(288.682.795)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	166.061.777.866	10.410.275.718
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,00%</u></b>	<b><u>0,00%</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.919.979.046	288.682.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.249.331.257	7.515.004.206
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	16.700.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>32.869.310.303</u></b>	<b><u>7.803.687.001</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.541.324.662	3.012.271.124
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.541.324.662</u></b>	<b><u>3.012.271.124</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

TY  
HỮU H  
ÁN  
O  
P. H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.919.979.046	-		10.919.979.046
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.249.331.257	-		5.249.331.257
Đầu tư tài chính dài hạn	-	16.700.000.000		16.700.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.169.310.303</b>	<b>16.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>32.869.310.303</b>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.541.324.662	7.000.000.000		8.541.324.662
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.541.324.662</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.541.324.662</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>14.627.985.641</b>	<b>9.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.327.985.641</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	-		288.682.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.515.004.206	-		7.515.004.206
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.803.687.001</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.803.687.001</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	3.012.271.124	-		3.012.271.124
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.012.271.124</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.012.271.124</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.791.415.877</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.791.415.877</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

**Bên liên quan**

Thành viên hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

*Thu nhập của Ban Giám đốc:*

**Mối quan hệ**

Chủ sở hữu và Ban điều hành

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tiền lương, thưởng Ban Giám đốc	471.571.798	145.982.932

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	2.480.040	22.976.000	25.456.040
Tài sản ngắn hạn khác	22.976.000	(22.976.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	289.768.370	2.203.367	291.971.737
Quỹ dự phòng tài chính	2.203.367	(2.203.367)	-

Hứa Thị Anh Đào  
Người lập biểu  
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Hứa Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng



Lê Trường Giang  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị